

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013

Hậu Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về các đơn vị trực thuộc	4
5. Các đơn vị liên kết	4
6. Sơ đồ tổ chức công ty	5
7. Định hướng phát triển	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013	6
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	6
2. Tổ chức nhân sự	6
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	8
4. Tình hình tài chính	8
5. Cơ cấu cổ đông	10
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	11
1. Kết quả sản xuất chủ yếu	11
2. Kết quả kinh doanh và chỉ tiêu tài chính	11
3. Tài sản và nguồn vốn	12
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	12
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty	12
2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác	14
3. Kế hoạch 2014	15
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
1. Hội đồng quản trị	17
2. Ban kiểm soát	18
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013	18
1. Ý kiến kiểm toán	18
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	20

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY**I. THÔNG TIN CHUNG:****1. Thông tin khái quát**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**
- Tên giao dịch: **Cantho sugar Joint stock Company**
- Tên viết tắt: **CASUCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800283278, do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2005 với vốn điều lệ là 18,753 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ hiện tại : **130.805.470.000 VND**
- Địa chỉ: số 1284 – đường Trần Hưng Đạo – phường 7 – TP. Vị Thanh – Tỉnh Hậu Giang
- Số điện thoại: 0711.356.1941.
- Số fax: 07113.879.607
- Email: casuco@casuco.com.vn
- Website: www.casuco.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ (CASUCO) tiền thân là Công ty mía đường Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ.Ct.HC.95 ngày 15/11/1995 của UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) để thực hiện đầu tư xây dựng 2 Nhà máy đường Vị Thanh (công suất thiết kế 1000 TMN) và Phụng Hiệp (công suất thiết kế: 1250 TMN). Qua quá trình đầu tư xây dựng từ năm 1995 đến tháng 12/1998 XNĐ Vị Thanh xây dựng hoàn thành và đưa vào sản xuất và NMD Phụng Hiệp cũng hoàn thành và đi vào sản xuất vào tháng 03/1999

Năm 2004, thực hiện Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn về tài chính đối với các nhà máy và công ty đường. UBND tỉnh Hậu Giang đã có Quyết định số 1927/QĐ-CT-UB ngày 03/12/2004 V/v chuyển đổi Công ty mía đường Cần Thơ thành Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ. Giấy chứng nhận kinh doanh số 6403000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 29/04/2005.

- Tổng số vốn điều lệ tại thời điểm 29/04/2005 là 18,753 tỉ đồng. Cổ đông phần lớn là người lao động trong doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 57,20%, vốn nhà nước chiếm 30%, nhà đầu tư bên ngoài chiếm 12,8%. Qua thời gian hoạt động CASUCO đã không ngừng lớn mạnh, chất lượng sản phẩm luôn ổn định, thu nhập CB-CNV năm sau cao hơn năm trước.

- Các đợt tăng vốn điều lệ từ 18,753 tỷ đồng lên 130,805 tỷ đồng cụ thể như sau:

DVT: VND

Thời gian	Vốn điều lệ cũ	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng thêm
12/04/2006	18.753.000.000	500.000.000	19.253.000.000
13/08/2007	19.253.000.000	37.506.000.000	56.759.000.000
24/09/2007	56.759.000.000	2.838.000.000	59.597.000.000
20/10/2008	59.597.000.000	20.800.800.000	80.397.800.000
23/07/2010	80.397.800.000	10.449.400.000	90.847.200.000

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

22/06/2011	90.847.200.000	18.163.530.000	109.010.730.000
03/07/2012	109.010.730.000	21.794.740.000	130.805.470.000

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường; Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp; Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường; Sản xuất – Kinh doanh nước đá; Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch; Đầu tư và kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê tài sản.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là Đồng bằng sông Cửu Long; TP HCM và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Sản phẩm của CASUCO với thương hiệu đường trắng con kiến và hạt xoàn (Kim cương) cũng đã xuất hiện tại các tỉnh phía Bắc.

4. Thông tin về các đơn vị trực thuộc:

+ XÍ NGHIỆP ĐƯỜNG VỊ THANH

Địa chỉ: số 1284, đường Trần Hưng Đạo, phường 7, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

+ NHÀ MÁY ĐƯỜNG PHỤNG HIỆP

Địa chỉ: số 10, đường 1/5, phường Hiệp Thành, TX Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

+ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN – CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

+ CHI NHÁNH TẠI LONG XUYỀN AN GIANG

Địa chỉ: số 278/4, khóm 6, Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T An Giang.

+ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN – CHI NHÁNH TẠI TP HCM

Địa chỉ: 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP HCM.

+ TRUNG TÂM GIỐNG LONG MỸ

Địa chỉ: Ấp 6, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

+ CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN CASUCO TOUR

Địa chỉ: 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

+ VƯỜN SINH THÁI CÁI NAI – TP CẦN THƠ

Địa chỉ: Khu vực 5, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, TP Cần Thơ.

+ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN MÁY CẦN THƠ

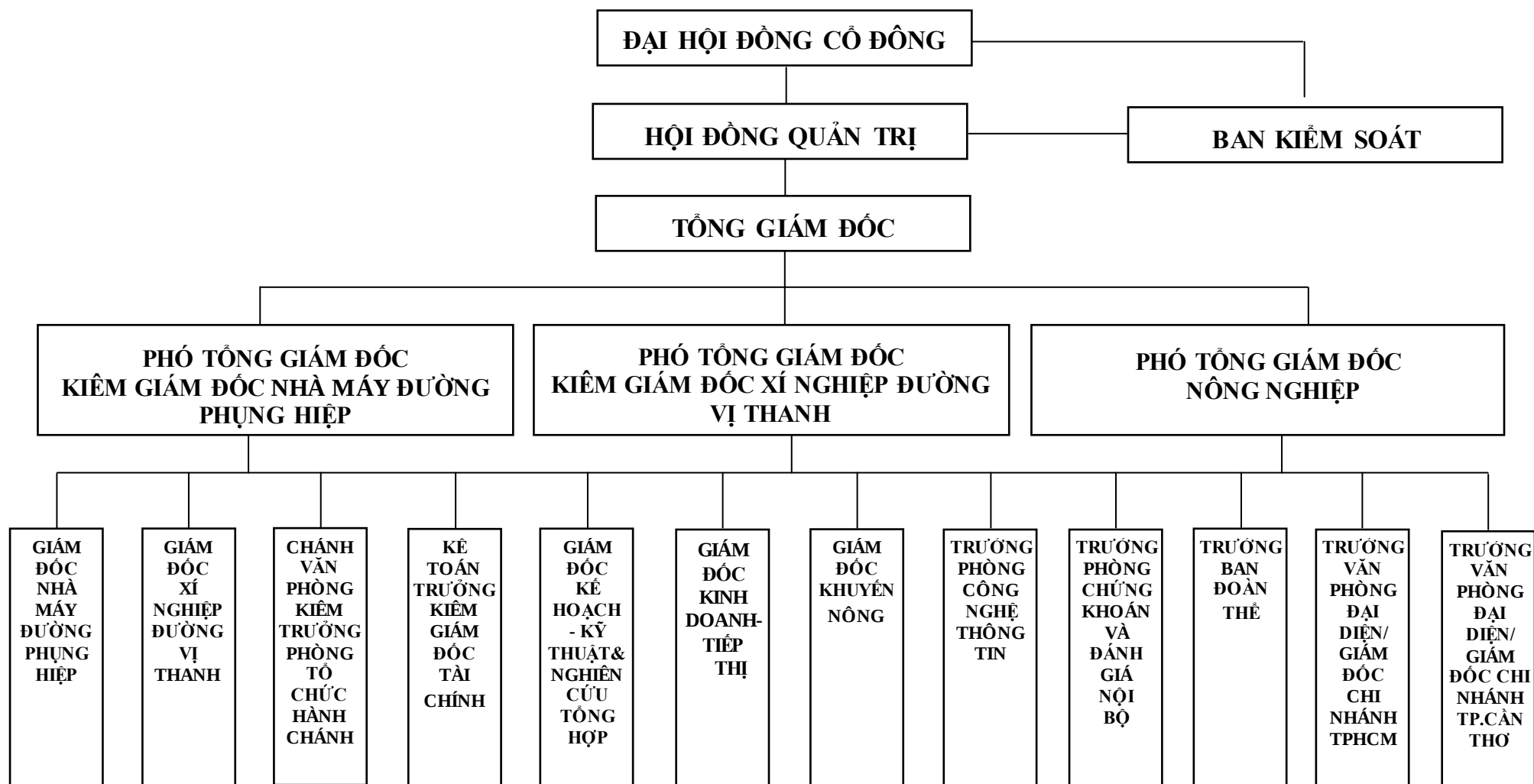
Địa chỉ: 103 Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

5. Các đơn vị liên kết

+ Công ty Cổ phần mía đường Bến Tre

+ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam

6. Sơ đồ tổ chức công ty



7. Định hướng phát triển

- Nguyên tắc chung: Tập trung sản xuất kinh doanh ngành nghề chính là sản xuất đường, đưa sản xuất đường đạt hiệu quả cao hơn. Gắn bó nhiều hơn với chính quyền địa phương để phát triển nguyên liệu theo hướng chất lượng cao.

- Chiến lược phát triển:

- + Lập và thực hiện dự án đồng phát điện từ bã mía thừa bán vào lưới điện quốc gia
- + Tiếp tục đầu tư sâu vào sản phẩm đường Casuco, chú trọng việc hỗ trợ nông dân nâng cao chất lượng mía nguyên liệu.
- + Tiết giảm chi phí trong sản xuất, quản lý và bán hàng.
- + Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, rắn, lỏng, khí, đặc biệt là mùi hôi của bã bùn từ 2 nhà máy. Xúc tiến đầu tư dự án thành lập doanh nghiệp chế biến phân hữu cơ vi sinh từ bùn để chủ động trong việc quản lý môi trường và xử lý chất thải.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013:**1. Tình hình hoạt động kinh doanh**

- Theo nghị quyết ngày 26 tháng 04 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối như sau:

Nội dung	Số tiền (VND)
-Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (12%)	4.323.394.901
- Chia cổ tức bằng tiền mặt (25% vốn điều lệ)	32.691.567.500
Tổng Cộng	37.014.962.401

Trong năm Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2013 cho cổ đông là 12.009.563.000đ.

2. Tổ chức nhân sự**Hội đồng quản trị công ty và Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thành Long

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1956

Trình độ: Đại học Chăn nuôi

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 8,50%

Bà Võ Thị Kim Dung

Thành viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp đường Vị Thanh

Năm sinh: 1962

Trình độ: Đại học TC-KT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3,65%

Ông Nguyễn Thanh Nhân

Thành viên HĐQT

Giám đốc VPĐD – Chi nhánh TP HCM

Năm sinh: 1960

Trình độ:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3,62%

Ông Phạm Quang Vinh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Thành viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy đường Phụng Hiệp

Năm sinh: 1973

Trình độ: Đại học CNTP

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3,22%

Bà Trần Thị Thái

Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác:

Năm sinh: 1937

Trình độ:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,88%

Ông Nguyễn Hoàng Ngoan

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1965

Trình độ: Đại học trồng trọt

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,55%

Ông Đoàn Phước Bình

Giám đốc tài chính – kế toán trưởng

Năm sinh: 1973

Trình độ: Đại học TC-KT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1,15%

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Giám đốc kinh doanh – Tiếp thị

Năm sinh: 1976

Trình độ: Thạc sỹ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,57%

Ông Nguyễn Văn Thành

Thành viên Ban kiểm soát

Trưởng phòng Chứng khoán & ĐGNB

Năm sinh: 1956

Trình độ: Trung cấp kế toán

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,03%

Ông Huỳnh Thanh Thế

Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ:

Năm sinh: 1972

Trình độ: Đại học

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,16%

- Số lượng cán bộ, nhân viên là 1.040 người.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a). Các khoản đầu tư lớn:

Đến ngày 31/12/2013, giá trị đầu tư vào doanh nghiệp khác, tính theo giá gốc ban đầu được ghi nhận như sau:

- Công ty TNHH một thành viên TMDL mía đường Cần Thơ: là 1.948.255.867 đồng đạt 100% vốn điều lệ;
- Công ty cổ phần cơ khí điện máy Cần Thơ: là 18.035.500.000 đồng (số lượng 1.292.000 cổ phần đạt 66,48% vốn điều lệ);
- Công ty cổ phần mía đường Bến Tre: là 32.619.600.000 đồng (số lượng cuối năm tăng 20% do trả cổ tức bằng cổ phiếu là 828.036/đầu năm là 690.030 cổ phần, đạt 41% vốn điều lệ);
- Công ty cổ phần mía đường Tây Nam: là 15.192.000.000 đồng (số lượng 1.519.200 cổ phần đạt 18,99 % vốn điều lệ);
- Công ty cổ phần mía đường Sóc Trăng: là 9.760.000.000 đồng (số lượng 503.000 cổ phần đạt 13% vốn điều lệ).
- Tổng Công ty mía đường 1 – Công ty cổ phần: là 202.000.000 đồng (số lượng 20.000 cổ phần, vốn điều lệ công ty là 430.049.099.000 đồng), mua qua hình thức tham gia đầu giá với giá đầu thành công là 10.100 đồng/ cổ phần.

Ngoài ra, trong năm Ban điều hành quyết định đầu tư Trạm dừng chân chợ nổi Cái Răng trên diện tích đất hiện Công ty đang quản lý sử dụng nhằm khai thác khách du lịch đến TP Cần Thơ gần địa danh du lịch nổi tiếng là Chợ nổi Cái Răng, với hạng mục chính được phê duyệt giá trị là 1.644.059.605 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con	Vốn điều lệ
+ Công ty TNHH MTV Thương mại – Du lịch Mía đường Cần Thơ	1.948.255.867 đ
+ Công ty cổ phần Cơ khí – Điện máy Cần Thơ	19.435.030.000 đ
- Công ty liên kết:	
+ Công ty cổ phần mía đường Bến Tre	20.196.000.000 đ

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
1	Tổng doanh thu	1.477.605.569.827	1.606.004.639.974	- 7,99%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	401.226.151	75.461.668	431,70%
3	Doanh thu thuần	1.477.204.343.676	1.605.929.178.306	- 8,02%
4	Giá vốn hàng bán	1.357.869.330.255	1.510.491.044.026	- 10,10%
5	Lợi nhuận gộp	119.335.013.421	95.438.134.280	25,04%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	10.212.952.690	12.620.187.801	- 19,07%
7	Chi phí tài chính	24.667.572.277	25.863.350.590	- 4,62%
	- Trong đó: lãi vay	19.815.693.649	25.863.350.590	- 23,38%
8	Chi phí bán hàng	13.159.200.661	17.282.938.583	- 23,86%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.562.208.587	26.887.036.073	91,77%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.158.984.586	38.024.996.835	5,61%
11	Thu nhập khác	14.174.396.548	3.293.670.956	330,35%
12	Chi phí khác	908.722.965	1.251.056.605	- 27,36%
13	Lợi nhuận khác	13.265.673.583	2.042.614.351	549,45%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.424.658.169	40.067.611.186	33,34%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.363.641.192	2.817.254.442	161,38%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.409.675.520)	91.304.657	- 1643,93%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	47.470.692.497	37.159.052.087	27,75%

Đơn vị tính: VND

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,09 0,39	1,30 0,37	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Tổng Nợ/ Tổng tài sản + Tổng Nợ/ Vốn chủ sở hữu	59,98 149,87	61,50 151,01	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn bán hàng}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$ + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	4,40 1,80	5,14 1,99	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + $\frac{\text{Hệ số Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$ + $\frac{\text{Hệ số Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$ + $\frac{\text{Hệ số Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$ + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,21 14,49 5,80 2,72	2,31 11,29 4,60 2,37	%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

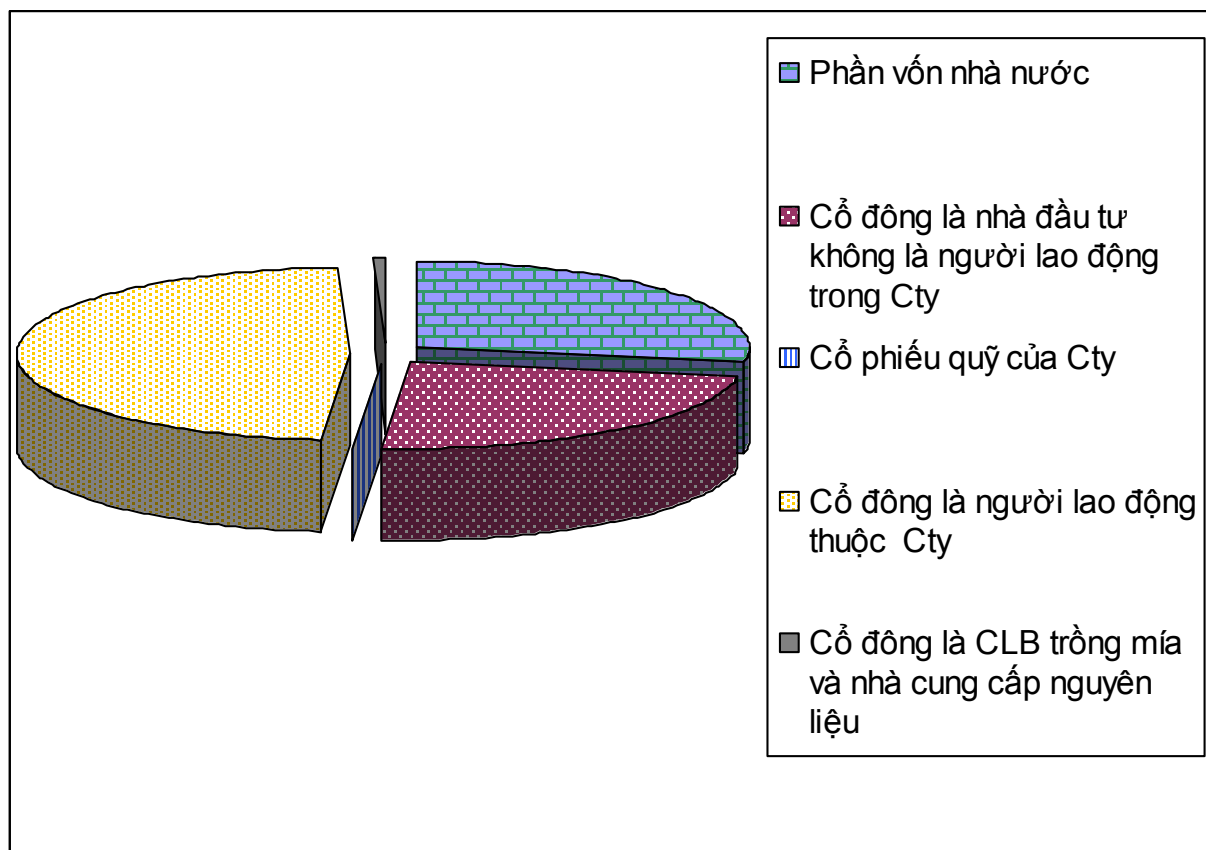
5. Cơ cấu cổ đông

a) Cổ phần:

Hiện nay Công ty phát hành hai loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi, trong đó số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do là 13.040.467 CP

b) Cơ cấu sở hữu cổ phần đến thời điểm 31/12/2013

TT	ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU	Số lượng cổ đông (người)	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Ghi chú
1	Phân vốn Nhà nước	1	3.609.192	27.59	
2	Cổ phiếu quỹ của Cty	-	4.040	0.03	
3	Cổ đông là người lao động thuộc Cty	297	6.292.881	48.11	
4	Cổ đông là nhà đầu tư không là người lao động trong Cty	26	3.119.203	23.85	
5	Cổ đông là CLB trồng mía và nhà cung cấp nguyên liệu	117	55.231	0.42	
	TỔNG CỘNG	441	13.080.547	100	



Hình 1: Biểu đồ thể hiện cơ cấu sở hữu cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Stt	Tên cổ đông	Số số CP	Giá bán	Ngày giao dịch	Ghi chú
1	Ngô Văn Lâu	D 10009	10.000	18/03/2013	
Cổ phiếu quỹ đến thời điểm 31/12/2013 là 4.040 CP					

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH:

1. Kết quả sản xuất chủ yếu(sản xuất đường):

TT	Khoản mục	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Năm 2013		So sánh thực hiện năm 2013 (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Sản lượng mía ép	Tấn	1.160.066	0	1.017.174	-	87,7%
2	Sản lượng đường SX	Tấn	108.880	92.000	96.505	104,9%	88,6%
3	Sản lượng mật rỉ	Tấn	57.732	0	55.810	-	96,7%

2. Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính:

TT	Nội dung	ĐVT	Nghị quyết ĐHD cổ đông 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện so với nghị quyết (%)
I	Kết quả kinh doanh				
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng		1.501.592	
2	Tổng chi phí			1.448.167	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.000	53.425	213,7
4	Thuế TNDN	Triệu đồng		7.364	
	Thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng		-1.410	
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng		47.471	
II	Tỷ suất sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%		3,56	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%		3,16	
2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%		6,53	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%		5,80	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư của chủ sở hữu	%		36,29	
IV	Nộp ngân sách nhà nước (đã nộp)	Triệu đồng		54.294	
- Trong đó:					
1	Thuế VAT	Triệu đồng		39.241	
2	Thuế TNDN	Triệu đồng		10.478	
3	Thuế TNCN	Triệu đồng		3.821	
4	Thuế tài nguyên	Triệu đồng		2	
5	Thuế đất	Triệu đồng		708	
6	Khác	Triệu đồng		44	
Số thuế phát sinh trong năm		Triệu đồng		29.994	

3. Tài sản và nguồn vốn

TT	Chi tiêu	ĐVT	Đến 31/12/2012	Đến 31/12/2013	Tăng/giảm (+/-)
1	Tổng tài sản		808.403	818.757	10.354
a	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	454.008	418.838	- 35.190
b	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	354.395	399.919	45.524
2	Tổng nguồn vốn		808.403	818.757	10.354
a	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	479.174	491.083	11.909
b	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	329.229	327.673	- 1.556
c	Nguồn kinh phí, quỹ khác	Triệu đồng	0	0	0

IV.ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

a) Thuận lợi, khó khăn:

* *Thuận lợi:*

- CASUCO đã chủ động trong việc quy hoạch vùng mía nguyên liệu với nhiều chương trình và chính sách để hỗ trợ cho nông dân trồng mía như:

+ Xây dựng đê bao chống lũ cho vùng mía nguyên liệu tại Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang, để hạn chế việc thu hoạch mía tập trung chạy lũ cho nông dân.

+ Hàng năm CASUCO đã thực hiện đầu tư và ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm mía cho nông dân. Vùng nguyên liệu này đã được chính quyền địa phương của các tỉnh (gồm 04 tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang và Trà Vinh) phân chia để doanh nghiệp thực hiện việc đầu tư và bao tiêu sản phẩm.

+ CASUCO đã khảo sát và chọn thời gian vào vụ đúng thời điểm mía chín, các hộ nông dân được đầu tư mía giống có năng suất và chữ đường cao, được CASUCO hướng dẫn kỹ thuật bón phân cân đối, nên chất lượng cao hơn các năm trước gần 01 CCS, năng suất mía bình quân khoảng 90 tấn/ha, đảm bảo các nhà máy hoạt động tối đa công suất trong thời gian 06 tháng.

- Chủ động liên kết hợp tác về nhiều mặt và lâu dài giữa 04 nhà (Doanh nghiệp, nông dân, chính quyền địa phương và nhà khoa học) được các hộ dân, chính quyền địa phương các cấp tỉnh, huyện, xã tin cậy, ủng hộ và đánh giá cao, đã mang lại lợi ích cho các bên.

- CASUCO là cổ đông lớn của nhiều nhà máy đường ở Đồng bằng sông Cửu Long, do đó CASUCO có sức ảnh hưởng lớn đối với các nhà máy đường trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, việc phân phối tiêu thụ mía trong vùng trở nên có trật tự hơn, không xảy ra việc tranh chấp nguồn nguyên liệu như những năm trước đây, việc điều hành nguyên liệu thuận lợi và ổn định hơn.

- Về tài chính: CASUCO có nguồn tài chính lành mạnh, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất- kinh doanh, được các tổ chức tín dụng xếp hạng cao trong danh sách khách hàng và được lựa chọn là đối tác tin cậy để cung cấp nguồn tài trợ.

- CASUCO luôn duy trì các khoản vốn đã góp vào các doanh nghiệp, trong đó đặt biệt là các doanh nghiệp sản xuất đường trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long để các danh nghiệp cùng nhau phát triển ngày càng tốt hơn và để nâng sức cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.

- CASUCO là doanh nghiệp sản xuất đường có uy tín hàng đầu Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước, có thương hiệu mạnh, có uy tín với khách hàng trên thị trường, với các hộ nông dân trồng mía và nhà cung cấp nguyên liệu. Đang thực hiện các tiêu chuẩn quản lý doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế: Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2008), hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001:2004) và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000:2005). Năm 2013, CASUCO được xếp hạng trong top 1.000 doanh nghiệp có mức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất nước. CASUCO tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam Chất lượng cao”, được Thủ tướng Chính phủ tặng giải thưởng “Chất lượng quốc gia” (giải bạc) và giải thưởng “Sao vàng Đất Việt”.

- CASUCO có nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn tốt, nhiều kinh nghiệm; Có tinh thần làm việc tích cực; Có ý thức chấp hành kỷ luật, nội quy, quy định của Công ty và luôn cố gắng phấn đấu hoàn thành công việc được giao.

*** Khó khăn:**

- Do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế. Ngành mía đường cũng không ngoại lệ, sản lượng đường sản xuất trong nước và thế giới đang trong tình trạng thừa cung, nên việc tiêu thụ sản phẩm hết sức khó khăn, giá đường giảm sâu và ở mức thấp. Tình trạng buồn lậu và gian lận thương mại đường với quy mô lớn, với thủ đoạn ngày càng tinh vi, đã chiếm lĩnh hầu hết thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác sản xuất đường trong nước còn phải cạnh tranh xuất khẩu với đường của Lào có ưu thế hơn về giá thành. Các vấn đề trên đã gây khó khăn không nhỏ cho ngành mía đường trong nước trong đó có CASUCO.

- Về chất lượng nguyên liệu mía khu vực Đồng bằng sông Cửu Long chưa đều nhưng chi phí giá thành lại cao, nguyên nhân:

+ Việc sản xuất và thu hoạch mía toàn bộ là thủ công, trong sản xuất nhiều hộ nông dân còn nhiều khoản tốn kém chưa hợp lý như: Bón phân nhiều, bón phân không đúng thời điểm, vv... dẫn đến chi phí bỏ ra nhiều nhưng chất lượng cây mía không cao, cộng với tổn thất trong và sau thu hoạch làm cho thu nhập của nông dân đã thấp còn thấp hơn.

+ Việc cơ giới hóa cho cây mía vẫn là đề tài lớn đối với Đồng bằng sông Cửu Long chưa có lối ra, trong khi lao động ngày càng hiếm. Đây là một thách thức lớn cho nghề trồng mía ở Đồng bằng sông Cửu Long.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

- Diện tích trồng mía khu vực Đồng bằng sông Cửu Long giảm ước khoảng 2.000 ha chủ yếu là ở tỉnh Hậu Giang và Cà Mau tỉnh Sóc Trăng, nguyên nhân:

+ Một số vùng làm đê bao ngăn mặn, theo quy hoạch, việc vận chuyển mía phải qua trung chuyển nên chi phí tăng thêm, làm cho một số diện tích trồng mía phải chuyển đổi cây trồng khác.

+ Một số cây trồng vật nuôi có hiệu quả hơn trở thành phong trào chuyển đổi sản xuất như: Cam, quýt, tôm thẻ chân trắng, ...

+ Vùng ngập lũ trồng mía không hiệu quả người dân tự chuyển đổi trồng cây khác hiệu quả hơn.

- Giá đường trong nước giảm, dẫn đến giá mía giảm, người dân không có lãi, hộ nông dân đồn mía sớm so với thời gian ký trong hợp đồng, nên việc thực hiện hợp đồng tiêu thụ (bao tiêu) không đạt so với năm trước. Mặt khác người trồng mía và nhà máy đường hiện nay phụ thuộc quá lớn vào lực lượng thu mua trung gian mà nhiều năm qua chưa được cải thiện.

- Vùng nguyên liệu ngoài tỉnh CASUCO tương đối xa nhà máy, cước phí vận chuyển tương đối cao sẽ làm giảm sức cạnh tranh. Hơn nữa, các chủ phương tiện mua bán mía không có lãi, dẫn đến tâm lý của các chủ phương tiện sẽ hạn chế vận chuyển mía đến các nhà máy ở xa, thời gian quay vòng lâu hơn, nên Xí nghiệp đường Vị Thanh bị thiếu mía liên tục vào cuối vụ.

- Nông dân trồng mía không có ghe để vận chuyển mía đến bán trực tiếp tại nhà máy nên phải chờ ghe của thương lái để bán mía xô tại rẫy làm tổn thất sau thu hoạch lớn.

- Lãi suất ngân hàng cao, đường khó tiêu thụ, tồn kho nhiều, ... dẫn đến phải vay vốn ngắn hạn nhiều, dư nợ cao làm tăng chi phí tài chính.

b) Tình hình hoạt động của công ty:

- Trước tình hình khó khăn chung, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ (CASUCO) đã nắm bắt cơ hội, nhận định- đánh giá đúng tình hình thị trường và hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty nên có những chủ trương, chiến lược hợp lý cùng Ban điều hành lãnh đạo Công ty đưa CASUCO vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất- kinh doanh do Đại Hội đồng cổ đông giao, ổn định đời sống và thu nhập cho người lao động, giữ giá mía ổn định cho nông dân trong phạm vi vùng nguyên liệu có hợp đồng bao tiêu của CASUCO. Nhờ đó có thể đánh giá đến nay CASUCO vẫn giữ vững vị trí trong top các doanh nghiệp dẫn đầu ngành mía đường Việt Nam, đứng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long về sản lượng và hiệu quả. Giữ vững và nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với nông dân và chính quyền địa phương vùng mía nguyên liệu.

- Sản phẩm đường CASUCO đa dạng chủng loại (RE, RS) có uy tín trên thị trường, chất lượng ổn định, nhiều năm liền được bình chọn danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”. Trong năm 2013 CASUCO đã đưa ra thị trường sản phẩm đường tinh luyện Hoa Mai được người tiêu dùng đón nhận.

- Tình hình tài chính Công ty lành mạnh, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất- kinh doanh, được các tổ chức tín dụng lựa chọn như là một địa chỉ tin cậy trong đầu tư, cung cấp tín dụng. Là chỗ dựa tin cậy của các địa phương trong việc tiêu thụ mía cho nông dân, không như nhiều loại nông sản khác hiện nay.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác.

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế phối hợp giữa Hội đồng Quản trị - Ban kiểm soát- Ban Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị có chức năng giám sát Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác, cụ thể như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và việc tuân thủ pháp luật, thời gian, hiệu quả đối với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận triển khai thực hiện.

- Trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng báo cáo và giải thích thêm những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty và các dự án đầu tư do Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị.

Nhìn chung năm 2013 Hội đồng Quản trị giám sát chặt chẽ hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý trong Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được Tổng Giám đốc triển khai đúng tiến độ, trình tự, thủ tục mang lại hiệu quả cho công ty.

3. Kế hoạch 2014

Năm 2014 dự báo ngành mía đường nói chung và CASUCO nói riêng sẽ còn rất nhiều khó khăn, và khó khăn hơn năm 2013 về các mặt tiêu thụ, tồn kho, chi phí nguyên liệu, áp lực gia nhập kinh tế khu vực và thế giới,...Để đảm bảo mục tiêu đưa CASUCO phát triển bền vững, thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại Hội đồng cổ đông giao, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung các công tác chủ yếu như sau:

- *Nâng cao chất lượng mía nguyên liệu:* Phối hợp liên kết các nhà máy đường trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tăng cường đầu tư chiều sâu cho mía nguyên liệu. Thống nhất với chính quyền các địa phương về quy hoạch vùng mía nguyên liệu theo hướng chuyển đổi những diện tích canh tác mía không hiệu quả; Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ, hợp tác xã trồng mía; Chú trọng công tác đầu tư nâng cao năng suất và chất lượng mía hơn là mở rộng diện tích trồng mía.

- *Chỉ đạo liên kết hợp lý hóa các công đoạn trong chuỗi sản xuất mía - đường:* Trong chuỗi sản xuất mía - đường hiện nay có quá nhiều công đoạn tham gia chưa được kiểm soát và chưa được liên kết tốt là một trong những yếu tố khiến năng lực cạnh tranh của các nhà máy đường chưa cao - Kể cả CASUCO. Do đặc thù sản xuất, những công đoạn đó các nhà máy đường phải chấp nhận nó, tuy nhiên cần phải liên kết tốt để hiệu quả hơn. Do vậy, trong thời gian tới Hội đồng Quản trị sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động liên kết trong chuỗi sản xuất mía - đường đặc biệt là công đoạn sản xuất và cung ứng nguyên liệu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho CASUCO.

- *Giảm giá thành sản xuất:* Để nâng cao sức cạnh tranh thì việc giảm giá thành sản xuất được xem là công tác ưu tiên hàng đầu, giúp doanh nghiệp đứng vững trước thách thức về khả năng giá đường sẽ tiếp tục ở mức thấp trên phạm vi toàn cầu, cũng như tăng năng lực cạnh tranh khi việc hội nhập ngày càng sâu rộng. Hội đồng Quản trị lãnh đạo có biện pháp giảm giá thành sản xuất trên tất cả yếu tố nhưng không quá tập trung vào việc giảm giá mua mía.

- *Dự báo thị trường, định hướng chiến lược tiêu thụ:*

Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt nhằm ứng phó có hiệu quả trước tình hình khó khăn đã được dự báo trước; Nghiên cứu và nắm bắt thông tin kinh tế, thị trường để kịp thời có những đối sách chính xác, có các biện pháp phù hợp và hiệu quả.

Từng bước thiết lập mạng lưới tiêu thụ ổn định, xây dựng mối liên kết giữa nhà máy đường và nhà tiêu thụ đường làm nguyên liệu. Tập trung xây dựng thương hiệu cho sản phẩm đường RE và phương án tiêu thụ hiệu quả.

Tăng cường công tác xây dựng thương hiệu và hệ thống nhận diện thương hiệu của các sản phẩm và của Công ty. Đồng thời tận dụng uy tín thương hiệu để phát triển sản xuất-kinh doanh nhằm gia tăng nguồn thu, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- *Ứng hộ và tích cực tham gia thực hiện chương trình công tác của Hiệp hội Mía đường Việt Nam:* Ứng hộ và tích cực tham gia thực hiện chương trình công tác theo yêu cầu của Hiệp hội Mía đường Việt Nam, đặc biệt là công tác chống buôn lậu đường và xây dựng Nghị định về Mía và Đường dự kiến đệ trình Chính phủ cuối năm 2014.

- *Nâng cao hiệu quả công tác quản trị:* Ứng dụng, vận dụng các phương pháp quản trị tiên tiến để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị tại CASUCO. Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, linh hoạt và năng động.

- *Đa dạng hóa sản phẩm- Đầu tư khai thác sản phẩm phụ:* Tận dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước để phát triển các sản phẩm phụ trong đó chủ yếu là lập dự án đầu tư “Đồng phát nhiệt điện từ bã mía” tại 02 nhà máy.

- *Tăng cường quản trị rủi ro:* Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn các rủi ro trong hoạt động kinh doanh như chiếm dụng vốn, mất khả năng thanh toán, ... do đó Hội đồng Quản trị sẽ có biện pháp phòng ngừa các rủi ro giảm thiểu thiệt hại cho doanh nghiệp.

- *Rà soát các danh mục đầu tư, đánh giá hiệu quả:* Tiếp tục rà soát, đánh giá các dự án đã đầu tư, trên cơ sở đó quyết định phương án khai thác hiệu quả nhất theo nguyên tắc các bên cùng hưởng lợi.

- *Nâng cao hiệu quả tại các doanh nghiệp góp vốn:* Hội đồng Quản trị giao Người đại diện tại các đơn vị góp vốn có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn góp của CASUCO phát huy thế mạnh, khắc phục những khó khăn để đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

- *Thực hiện quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty đại chúng quy mô lớn:* Tiếp tục thực hiện các quy định của Nhà nước về quản trị công ty đại chúng quy mô lớn .

- *Tiếp tục công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:* Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quy chế phối hợp giữa Hội đồng Quản trị- Ban Tổng Giám đốc- Ban kiểm soát về công tác giám sát này.

- *Chuẩn bị Đại hội kết thúc nhiệm kỳ 2010-2015:* Do là năm cuối của nhiệm kỳ II (2010-2015) nên Hội đồng Quản trị sẽ tập trung hoàn thành kế hoạch năm 2014, đồng thời đánh giá thực hiện kế hoạch nhiệm kỳ II, song song đó chuẩn bị các công tác Đại hội nhiệm kỳ III vào năm 2015.

- *Công tác phát triển nhân lực:* Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở nhân lực hiện có, kết hợp thu hút, tuyển chọn nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển Công ty. Tổ chức đào tạo những cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, tạo tiền đề cho công tác nhân sự trong tương lai.

Ngoài các chức năng nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy chế phối hợp giữa Hội đồng Quản trị- Ban Tổng Giám đốc- Ban kiểm soát sẽ đảm bảo triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**1. Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
01	Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	1.111.975 CP	8,50
02	Bà Võ Thị Kim Dung	Thường trực	476.849 CP	3,65
03	Bà Trần Thị Thái	Thành viên	769.602 CP	5,88
04	Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	421.185 CP	3,22
05	Ông Nguyễn Thanh Nhân	Thành viên	474.071 CP	3,62

a) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị làm việc theo chế độ tập thể bằng 02 phương thức: Tổ chức họp và lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

- Năm qua, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo đúng trình tự, thủ tục, pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Bên cạnh việc tổ chức các cuộc họp, Hội đồng Quản trị đã áp dụng hình thức xin ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền nhưng không yêu cầu phải thảo luận nhiều hoặc trường hợp khẩn cấp nhưng chưa tổ chức được cuộc họp như: Góp ý bổ sung hoàn chỉnh quy chế quản trị Công ty; Ý kiến về việc cử Người đại diện vốn tại đơn vị có vốn góp của CASUCO, ...

- Các quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua theo đa số các thành viên dự họp đồng ý (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản cũng được thông qua theo đa số thành viên). Đảm bảo quy định về những quyền lợi kinh tế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị có liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

- Diễn biến cuộc họp, quyết định của Hội đồng Quản trị trong mỗi phiên họp đều được thư ký ghi trong biên bản, được thông qua tất cả thành viên tham dự và có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp.

- Tất cả các hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty đều tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế phối hợp giữa Hội đồng Quản trị- Ban Tổng Giám đốc- Ban kiểm soát.

b) Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng Quản trị:

* Trong năm 2013 Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp, các cuộc họp đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Các quyết định tại 04 lần họp này gồm:

- Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 trình Đại Hội đồng cổ đông năm 2013.

- Dự thảo các phương án trình Đại Hội đồng cổ đông năm 2013.

- Chủ trương xây dựng kế hoạch sản xuất- kinh doanh năm 2013 với mục tiêu giá thành kế hoạch toàn bộ không quá 13.000 đồng/kg đường RS.

- Đầu tư dự án nâng cấp Nhà máy đường Phụng hiệp từ công suất 3.000 tấn mía/ngày sản xuất đường RS sang sản xuất đường RE công suất 350 tấn sản phẩm/ngày có tính đến phương án nâng lên 500 tấn sản phẩm/ngày.

- Chủ trương về việc mua thêm cổ phần của các công ty mía đường trong khu vực.

- Đánh giá kết quả sản xuất- kinh doanh 9 tháng năm 2013 và dự kiến thực hiện năm 2013.

- Đánh giá kết quả sản xuất- kinh doanh 11 tháng năm 2013 và dự kiến thực hiện năm 2013.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

- Quyết định ứng cổ tức cho cổ đông năm 2013.
 - Kế hoạch chạy nghiệm thu cục bộ và chạy nghiệm thu toàn bộ dây chuyền sản xuất đường RE.
 - Thúc đẩy cơ cấu lại Công ty Cổ phần Mía đường Bến Tre và Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam.
 - Thống nhất quan điểm xử lý thu hồi công nợ bán hàng tại Xí nghiệp đường Vị Thanh.
 - Đánh giá kết quả thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp để sản xuất đường RE tại Nhà máy đường Phụng Hiệp.
 - Chủ trương lập dự án “Đồng phát nhiệt điện từ bã mía”.
 - Chủ trương tiếp tục đầu tư chiều sâu vào sản phẩm đường CASUCO, chú trọng việc hỗ trợ nông dân nâng cao chất lượng mía nguyên liệu.
- * Ngoài các lần tổ chức cuộc họp, Hội đồng Quản trị còn quyết định các vấn đề thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, các nội dung lấy ý kiến và được các thành viên thống nhất gồm:
- Tham gia đấu giá mua cổ phần của Tổng Công ty Mía đường I.
 - Ban hành quy chế quản trị Công ty.
 - Cử Người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
01	Ông Trần Văn Hùng	Trưởng ban	75.173 CP	0,57
02	Ông Nguyễn Văn Thành	Thường trực	3.446 CP	0,03
03	Ông Huỳnh Thanh Thế	Thành viên	20.438 CP	0,16

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được quy định và thực hiện các công việc kiểm soát như sau:

- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành, triển khai nghị quyết của các Đại Hội đồng cổ đông trong năm 2013, thực hiện nhiệm vụ sản xuất- kinh doanh năm 2013 của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý trong quản trị và điều hành Công ty.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị, các cuộc họp của Ban điều hành trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty.
- Xem xét, thẩm tra báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm của Công ty và báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán năm 2013.
- Phối hợp Hội đồng Quản trị Công ty trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2013.
- Trong năm 2013 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013:

1. Ý kiến kiểm toán (Nguyên trang ý kiến kiểm toán)



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 039CT/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ (Công ty mẹ) và các Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Du lịch Mía đường Cần Thơ và Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ

CÔNG TY TNHH

KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

A&C

TẠI CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí – Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		446.606.735.885	483.393.276.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	77.429.798.663	35.983.938.209
1. Tiền		111		73.129.798.663	35.171.793.209
2. Các khoản tương đương tiền		112		4.300.000.000	812.145.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		68.791.276.187	88.275.391.916
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	63.754.785.142	37.251.406.043
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	12.432.614.187	14.746.191.942
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	18.375.275.916	37.361.926.955
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.5	(25.771.399.058)	(1.084.133.024)
IV. Hàng tồn kho		140		273.543.175.125	339.276.331.404
1. Hàng tồn kho		141	V.6	282.842.364.092	362.540.313.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.7	(9.299.188.967)	(23.263.982.064)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		26.842.485.910	19.857.614.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8	655.355.491	517.573.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		3.311.700.915	12.095.599
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	22.875.429.504	19.327.945.651

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406.032.128.731	365.050.608.180
				-	
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
				-	
II.	Tài sản cố định	220		344.080.427.638	299.834.597.636
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	286.702.214.085	249.145.584.801
	Nguyên giá	222		829.454.213.203	726.160.539.190
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(542.751.999.118)	(477.014.954.389)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	52.027.951.836	45.175.847.002
	Nguyên giá	228		76.174.027.982	66.417.036.996
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.146.076.146)	(21.241.189.994)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	5.350.261.717	5.513.165.833
				-	
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
				-	
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		42.599.735.152	45.519.656.654
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	23.850.952.206	22.717.094.521
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	25.154.000.000	24.952.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(6.405.217.054)	(2.149.437.867)
				-	
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.259.796.311	1.265.326.921
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.344.722.222	794.774.857
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.915.074.089	470.552.064
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
				-	
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.18	16.092.169.630	18.431.026.969
				-	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		852.638.864.616	848.443.884.653

CH
CỘNG
KIỂM
Đ. NN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		503.209.633.412	496.269.487.471
				-	-
I. Nợ ngắn hạn		310		396.186.466.601	365.091.622.612
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.19	242.306.378.652	223.656.378.652
2. Phải trả người bán		312	V.20	50.783.342.402	25.239.182.865
3. Người mua trả tiền trước		313	V.21	34.110.852.649	29.040.927.655
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.22	8.932.784.964	16.482.404.379
5. Phải trả người lao động		315	V.23	26.974.371.867	40.622.728.473
6. Chi phí phải trả		316	V.24	3.070.871.916	3.132.181.640
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.25	12.695.747.844	11.359.126.135
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.26	17.312.116.307	15.558.692.813
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
				-	-
II. Nợ dài hạn		330		107.023.166.811	131.177.864.859
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.27	71.775.735.648	89.413.321.416
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.28	-	3.337.561.659
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339	V.29	35.247.431.163	38.426.981.784
				-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		338.452.041.935	341.351.775.094
				-	-
I. Vốn chủ sở hữu		410		338.452.041.935	341.351.775.094
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.30	130.805.470.000	130.805.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.30	91.716.406	91.716.406
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.30	45.532	45.532
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.30	(40.400.000)	(38.400.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.30	100.942.567.165	100.461.831.545
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.30	33.330.816.855	33.129.389.622
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.30	73.321.825.978	76.901.721.989
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
				-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430			
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
				-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439		10.977.189.268	10.822.622.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		852.638.864.616	848.443.884.653

ĐÃ NHẬP VÀO HỆ THỐNG TẠI C

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.548.303.915.704	1.672.043.867.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	401.226.151	75.461.668
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.547.902.689.553	1.671.968.405.981
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.417.494.162.494	1.565.755.728.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.408.527.059	106.212.677.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.505.350.354	3.960.494.873
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.195.575.072	25.863.350.590
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.815.693.649	25.863.350.590
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15.819.561.826	17.021.787.372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	58.899.231.865	34.661.500.719
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.999.508.650	32.626.533.245
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.430.770.247	3.428.112.103
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.368.432.565	1.755.238.086
13. Lợi nhuận khác	40		14.062.337.682	1.672.874.017
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		3.522.794.038	7.259.660.256
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.584.640.370	41.559.067.518
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	8.117.247.752	4.186.335.041
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.444.522.025)	(22.863.193)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>50.911.914.643</u>	<u>37.395.595.670</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.590.986.764	1.367.304.827
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		49.320.927.879	36.028.290.843
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3.772</u>	<u>2.755</u>

Trần Mộng Ngọc
Kế toán trưởng

Đoàn Phước Bình
Giám đốc Tài chính - Kế hoạch

Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc



Vĩnh Thanh, ngày 15 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.584.640.370	41.559.067.518
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,11	73.867.637.835	72.875.748.840
- Các khoản dự phòng	03		14.978.252.124	23.737.012.359
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		124.102.236	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.231.893.020)	(10.422.245.027)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.815.693.649	25.863.350.590
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155.138.433.193	153.612.934.280
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.180.658.821)	53.110.633.805
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		79.697.949.376	(85.687.696.996)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.646.451.857	(15.028.607.253)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		457.588.767	313.923.471
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20.210.756.926)	(25.854.799.586)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(11.113.138.617)	(3.666.463.594)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.008.455.000	6.088.577.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.799.871.935)	(10.794.403.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		176.644.451.895	72.094.097.871
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,11,12	(119.655.376.071)	(49.213.720.925)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7	618.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(202.000.000)	(4.120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.410.770.316	11.944.176.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(107.828.423.937)	(41.289.544.599)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.30	(2.000.000)	(1.500.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	813.800.000.000	802.774.100.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(812.787.585.768)	(770.859.685.768)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.231.734.000)	(53.235.460.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.221.319.768)	(21.322.545.768)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		41.594.708.190	9.482.007.504
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.983.938.209	26.501.930.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(148.847.736)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	77.429.798.663	35.983.938.209


Trần Mộng Ngọc
Kế toán trưởng


Đoàn Phước Bình
Giám đốc Tài chính - Kế hoạch



VIỆT THANH, ngày 15 tháng 3 năm 2014


Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc


Trần Mộng Ngọc
Kế toán trưởng


Đoàn Phước Bình
Giám đốc Tài chính - Kế hoạch


Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc



Vĩnh Thanh, ngày 15 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Thực hiện quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần mía đường Cần Thơ công bố thông tin báo cáo thường niên 2013 nhằm tạo tính minh bạch và công khai các hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để cổ đông và các nhà đầu tư tham khảo.

Hậu Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thành Long